

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: **34/2020/DS – ST**

Ngày: 22/9/2020

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Kim Sa Pha**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Ngư**

2. Ông **Lâm Ngọc Hà**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Cẩm Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2020/TLST – DS ngày 25/05/2020; Về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2020/QĐXXST – DS ngày 30 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2020/QĐST – DS ngày 25 tháng 8 năm 2020; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị Kiều N, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 823, Quốc lộ 1A, khóm A, phường B, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

+ *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Phạm Nguyễn Thế H, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số 37/9/13, đường T, khóm C, phường D, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng (Theo Giấy ủy quyền ngày 06/3/2020) (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn B. Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Nay là ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2019, các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa ngày hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Phạm Nguyễn Thế H trình bày ý kiến:*

Chồng của bà N là ông Hồ Minh K với bị đơn ông Phan Văn B (trước đây là phó Chủ tịch xã M) là bạn bè, quen biết nhau. Nên vào ngày 27/02/2019, ông B có hỏi mượn của bà N số tiền 90.000.000 đồng và bà N đồng ý cho ông B mượn, bà N đã chuyển số tiền 90.000.000 đồng vào tài khoản thẻ ATM số

74210000433330 của ông B, mở tại Ngân hàng BIDV chi nhánh Long Phú, tỉnh Sóc Trăng với nội dung là “Kiên chuyển tiền cho mượn” để cho ông B mượn, khi hỏi mượn tiền ông B nói là mục đích để đáo nợ Ngân hàng và hứa 02 ngày sau sẽ trả đủ số tiền. Nhưng đến ngày 13/8/2019, hơn 05 tháng 10 ngày ông B vẫn không trả tiền cho bà N và bà N đã nhiều lần liên hệ với ông B để yêu cầu trả số tiền đã mượn nhưng ông B cố tình né tránh, không trả tiền cho bà N.

Nay bà Dương Thị Kiều N khởi kiện ông Phan Văn B ra Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, yêu cầu xem xét, giải quyết buộc ông Phan Văn B thanh toán số tiền đã mượn 90.000.000 đồng và tiền lãi từ tính ngày 27/02/2019 cho đến ngày 11/6/2020, mức lãi suất tính theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự là 20%/năm (Tiền vốn: 90.000.000 đồng x lãi suất 20%/năm x Thời gian 27/02/2020 đến ngày 11/6/2020).

* Bị đơn ông Phan Văn B được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo việc kiểm tra, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có văn bản trả lời cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Phan Văn B được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông B theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Do mối quan hệ bạn bè, quen biết với nhau nên vào ngày 27/02/2019, nguyên đơn bà Dương Thị Kiều N có chuyển vào tài khoản thẻ ATM số 74210000433330 của bị đơn ông Phan Văn B, mở tại Ngân hàng BIDV chi nhánh Long Phú, tỉnh Sóc Trăng mượn số tiền 90.000.000 đồng. Theo bà N trình bày, ông B nói mượn tiền để đáo nợ Ngân hàng, 02 ngày sau sẽ trả lại tiền mượn cho bà N. Nhưng sau 02 ngày, ông B không trả số tiền 90.000.000 đồng đã mượn cho bà N và bà N nhiều lần yêu cầu ông B trả số tiền mượn nhưng ông B cố tình né tránh, không trả. Nay bà N khởi kiện ông B, yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc ông B trả số tiền 90.000.000 đồng đã mượn và tiền lãi theo quy định của pháp luật dân sự. Từ đó, các bên phát sinh tranh chấp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, còn bị đơn ông Phan Văn B được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo việc kiểm tra, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có văn bản trả lời cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và

đều vắng mặt theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, phía nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án chứng từ ủy nhiệm chi ngày 27/02/2019 của Ngân hàng Sacombank, phòng giao dịch Châu Thành, có nội dung:...“ Cá nhân, đơn vị chuyển tiền Dương Thị Kiều N, tài khoản 070029160633...Cá nhân, đơn vị thụ hưởng Phan Văn B, tài khoản 74210000433330, tại Ngân hàng BIDV CN Long Phú ST,...số tiền bằng số 90.000.000 đồng, số tiền bằng chữ: Chín mươi triệu đồng...nội dung: Kiên chuyển tiền cho mượn...”. Ngoài ra, Tòa án có công văn số 72/CV – TA ngày 21/7/2020 yêu cầu Ngân hàng cung cấp thông tin tài khoản khách hàng thì Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Sóc Trăng (BIDV) có văn bản ngày 27/7/2020 xác định: “Số tài khoản 74210000433330 là của chủ tài khoản Phan Văn B, sinh ngày 05/11/1970, CMND 365310233, địa chỉ: ấp An Tập, xã Thiện Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng...”. Do phía bị đơn ông Phan Văn B không có ý kiến phản đối, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như những tài liệu chứng cứ của nguyên đơn cung cấp cho Tòa án để chứng minh yêu cầu khởi kiện. Căn cứ khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì những tình tiết nêu trên không phải chứng minh. Do đó, nguyên đơn bà Dương Thị Kiều N khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phan Văn B trả lại số tiền đã mượn 90.000.000 đồng là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn thì thấy: Theo nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N và cũng như ý kiến trình bày tại phiên tòa hôm nay ông Huy xác định số tiền 90.000.000 đồng bà N chuyển khoản cho ông B vào ngày 27/02/2019 là tiền cho mượn, không phải cho vay, khi thỏa thuận mượn tiền thì hai bên không có thỏa thuận về lãi suất, ông B hứa 02 ngày sau đáo nợ Ngân hàng sẽ trả lại số tiền mượn cho bà N nhưng đến nay chưa trả số tiền 90.000.000 đồng mượn. Vì vậy, nguyên đơn bà N khởi kiện yêu cầu ông B phải trả tiền lãi tính từ ngày 27/02/2019 cho đến ngày 11/6/2020 là có lợi cho bị đơn về thời gian tính lãi, được Hội đồng xét xử ghi nhận, còn mức lãi suất yêu cầu tính là 20%/năm (tương ứng 1,666%/tháng) là không có căn cứ để xem xét, bởi vì khi hai bên thỏa thuận cho mượn số tiền 90.000.000 đồng không có thỏa thuận tính lãi, hẹn 02 ngày sau sẽ thanh toán nên được xem như thỏa thuận cho vay có thời hạn nhưng không tính lãi suất, nhưng đến hạn phía vay tiền là ông B không thực hiện đúng thời hạn thanh toán, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà N, nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự. Do đó, cần buộc bị đơn ông Phan Văn B phải có nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn bà N, mức lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự (10%/năm); Cụ Thể:

Số tiền mượn: 90.000.000 đồng x lãi suất 10%/năm x Thời gian 01 năm 03 tháng 11 ngày (Tính từ ngày 30/3/2019 là ngày thỏa thuận 02 ngày sau trả tiền đến ngày 11/6/2020) = 11.525.230 đồng.

Từ những nhận định, phân tích tại mục [3.1] và [3.2] nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Kiều N đối với bị đơn ông Phan Văn B được chấp nhận một phần, cụ thể là số tiền cho mượn 90.000.000 đồng và tiền

lãi chậm trả là 11.525.230 đồng, tổng cộng là 101.525.230 đồng. Đối với yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 20%/năm không được chấp nhận một phần, tương ứng số tiền lãi không được chấp nhận là 11.525.230 đồng.

[4] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn ông Phan Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, số tiền án phí phải nộp là 5.076.261 đồng (101.525.230 đồng x 5%). Nguyên đơn bà Dương Thị Kiều N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng với một phần yêu cầu không được chấp nhận, số tiền án phí phải nộp là 576.261 đồng và được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng: Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Kiều N đối với bị đơn ông Phan Văn B về việc yêu cầu thanh toán số tiền cho mượn và tính lãi suất 20%/năm.

2. Buộc bị đơn ông Phan Văn B có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Dương Thị Kiều N số tiền 101.525.230 đồng (Một trăm lẻ một triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm ba mươi đồng). Trong đó, tiền vốn là 90.000.000 đồng, tiền lãi là 11.525.230 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn bà Dương Thị Kiều N có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn ông Phan Văn B chậm thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi 20%/năm của nguyên đơn bà Dương Thị Kiều N đối với bị đơn ông Phan Văn B, tương ứng với số tiền lãi không được chấp nhận là 11.252.230 đồng.

4. *Về án phí:* Bị đơn ông Phan Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 5.076.261 đồng. Nguyên đơn bà Dương Thị Kiều N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 576.261 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.447.000 đồng theo biên lai thu số

0001349 ngày 07/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, còn lại số tiền 1.870.739 đồng bà N được hoàn trả lại.

5. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm. Đối với bị đơn ông Phan Văn B được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục T.H.A DS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha